



(12) BẢN MÔ TẢ SÁNG CHẾ THUỘC BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ

(19) Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (VN)
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

(11)



1-0038480

(51)⁷ A61F 13/15; A61F 13/494; A61F 13/49 (13) B

(21) 1-2014-02936

(22) 04/02/2013

(86) PCT/JP2013/052445 04/02/2013

(87) WO 2013/118668 A1 15/08/2013

(30) 2012-024547 07/02/2012 JP

(45) 25/01/2024 430

(43) 25/11/2014 320A

(73) UNICHARM CORPORATION (JP)

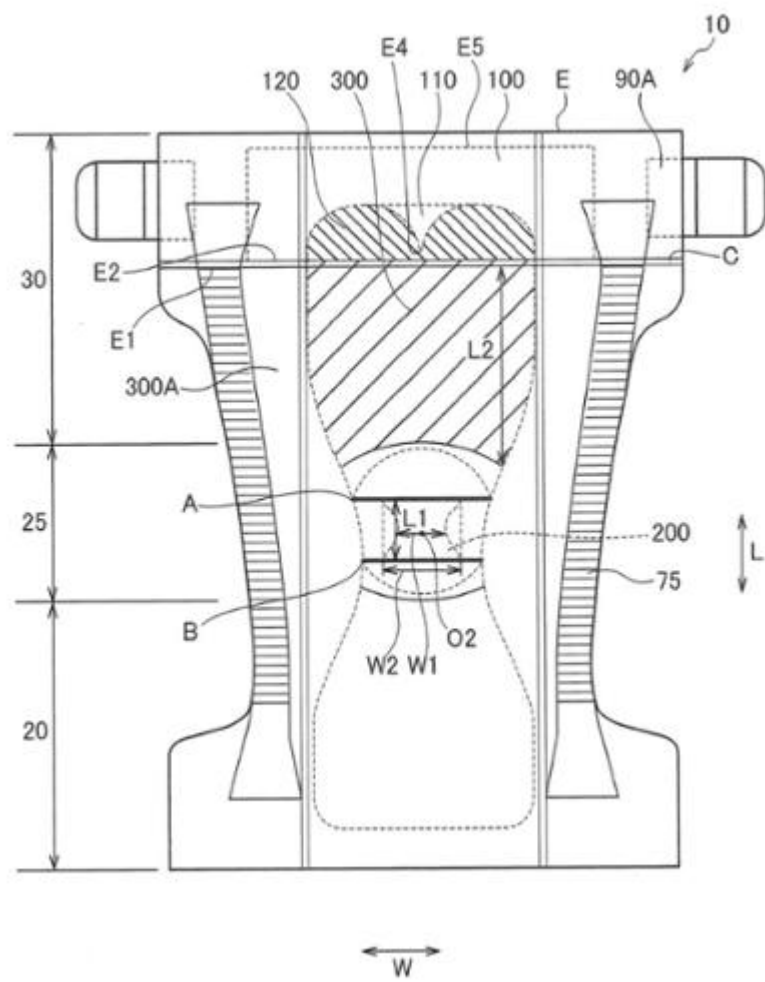
182, Shimobun, Kinsei-cho, Shikokuchuo-shi, Ehime 799-0111, Japan

(72) SAKAGUCHI, Satoru (JP); SAWA, Kana (JP).

(74) Công ty Cổ phần Sở hữu công nghiệp INVESTIP (INVESTIP)

(54) TẤ LÓT DỪNG MỘT LẦN DẠNG MỞ

(57) Sáng chế đề cập đến tấm lót dừng một lần dạng mở (1) bao gồm chi tiết co giãn vùng đũng (200a) được tạo ra trong vùng bố trí chi tiết thấm hút nơi mà chi tiết thấm hút (40) được bố trí trong vùng đũng (25) và có thể co giãn theo chiều dọc sản phẩm (L); cặp chi tiết co giãn vùng chân (75) được tạo ra dọc theo lỗ xỏ chân (35) và có thể co giãn ít nhất là theo chiều dọc sản phẩm (L); và chi tiết co giãn vùng eo (100) được tạo ra trong vùng cặp eo phía sau (30) và có thể co giãn theo chiều ngang sản phẩm (W); vùng bố trí lõi thấm hút (300) nằm trong chi tiết co giãn vùng đũng (200a), các chi tiết co giãn vùng chân (75), và chi tiết co giãn vùng eo (100) và tạo kết cấu chi tiết thấm hút (4) được tạo ra sao cho không co giãn được; và độ dài (L2) của vùng bố trí lõi thấm hút (300) theo chiều dọc sản phẩm (L) được tạo kết cấu để dài hơn so với một nửa độ dài (L1) của chi tiết co giãn vùng đũng (200a) theo chiều dọc sản phẩm (L).



Lĩnh vực kỹ thuật được đề cập

Sáng chế đề cập đến tã lót dùng một lần dạng mở.

Tình trạng kỹ thuật của sáng chế

Thông thường, đã biết đến tã lót dùng một lần dạng mở mà có vùng cạp eo phía trước, vùng cạp eo phía sau, và vùng đũng, cạp lỗ xỏ chân, và chi tiết thấm hút kéo giãn vùng đũng và kéo dài đến vùng cạp eo phía trước và vùng cạp eo phía sau (ví dụ, xem Tài liệu sáng chế 1).

Danh mục tài liệu viện dẫn

[Tài liệu sáng chế 1] : Công bố đơn yêu cầu cấp patent Nhật Bản số 2003-70840

Bản chất kỹ thuật của sáng chế

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, do xu hướng về gia đình hạt nhân và sự giảm về tỷ lệ sinh đẻ, có sự gia tăng về số lượng các bà mẹ không có kinh nghiệm bất kỳ về việc mặc tã cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, và do đó, các bà mẹ thể hiện tiếng nói của họ rằng họ không biết vị trí cần được mặc của người mặc mà tã lót dùng một lần dạng mở nêu trên.

Đáp ứng vấn đề này, các nhà sản xuất đã bắt đầu giải thích quy trình chi tiết về việc mặc tã lót dùng một lần dạng mở như thế nào bằng các cách khác nhau như thông qua các cửa hàng và mạng Internet.

Ở trong hoàn cảnh này, chủ đơn đã nhận thức được rằng có nhu cầu cao về thị trường tã lót dùng một lần mà có thể hiểu một cách dễ dàng và theo giác quan về vị trí của tã lót dùng một lần dạng mở mà người mặc cần được mặc hoặc nâng lên mà không cần đọc quy trình mặc tã lót như thế nào.

Do đó, đã đạt được sáng chế xét đến vấn đề trên, và mục đích của nó là đề xuất tã lót dùng một lần dạng mở mà có thể được mặc một cách dễ dàng và đúng đắn bởi người mặc.

Khía cạnh thứ nhất của sáng chế được tóm tắt là tã lót dùng một lần dạng mở bao gồm: vùng cạp eo phía trước; vùng cạp eo phía sau; vùng đứng được bố trí giữa vùng cạp eo phía trước và vùng cạp eo phía sau; cặp lỗ xỏ chân; chi tiết thấm hút kéo giãn vùng đứng và kéo dài đến vùng cạp eo phía trước và vùng cạp eo phía sau; chiều dọc sản phẩm từ vùng cạp eo phía trước về phía vùng cạp eo phía sau; và chiều ngang sản phẩm vuông góc với chiều dọc sản phẩm, trong đó tã lót dùng một lần dạng mở còn bao gồm: chi tiết co giãn vùng đứng được tạo ra trong vùng bố trí chi tiết thấm hút nơi mà chi tiết thấm hút được bố trí trong vùng đứng và có thể co giãn theo chiều dọc sản phẩm; cặp chi tiết co giãn vùng chân được tạo ra dọc theo các lỗ xỏ chân và có thể co giãn ít nhất là theo chiều dọc sản phẩm; và chi tiết co giãn vùng eo được tạo ra trong vùng cạp eo phía sau và có thể co giãn theo chiều ngang sản phẩm; vùng bố trí lõi thấm hút nằm trong chi tiết co giãn vùng đứng, các chi tiết co giãn vùng chân, và chi tiết co giãn vùng eo và tạo kết cấu chi tiết thấm hút được tạo ra sao cho không co giãn được; và độ dài của vùng bố trí lõi thấm hút theo chiều dọc sản phẩm được tạo kết cấu để dài hơn so với một nửa độ dài của chi tiết co giãn vùng đứng theo chiều dọc sản phẩm.

Mô tả vắn tắt các hình vẽ

Fig.1 là hình chiếu bằng phóng to thể hiện tã lót dùng một lần dạng mở theo một phương án của sáng chế.

Fig.2 là hình chiếu bằng phóng to thể hiện tã lót dùng một lần dạng mở theo một phương án của sáng chế.

Fig.3 là sơ đồ thể hiện đoạn cắt ngang F-F của tã lót dùng một lần dạng mở theo phương án thứ nhất của sáng chế.

Fig.4 là sơ đồ minh họa trạng thái mà trong đó tã lót dùng một lần dạng mở theo phương án thứ nhất của sáng chế được mặc bởi người mặc.

Fig.5 là sơ đồ minh họa trạng thái mà trong đó tã lót dùng một lần dạng mở theo phương án thứ nhất của sáng chế được mặc bởi người mặc.

Fig.6 là sơ đồ minh họa trạng thái mà trong đó tã lót dùng một lần dạng mở theo phương án thứ nhất của sáng chế được mặc bởi người mặc.

Mô tả chi tiết sáng chế

(Phương án thứ nhất của sáng chế)

Tham chiếu đến các hình vẽ từ Fig.1 đến Fig.6, tất cả các hình vẽ đều là các hình vẽ mô tả một lần dạng mở 10 theo phương án thứ nhất của sáng chế sẽ được mô tả.

Trong phần mô tả các hình vẽ sau, các số tham chiếu giống nhau hoặc tương tự được sử dụng để chỉ các phần giống nhau hoặc tương tự. Nên được hiểu rằng các hình vẽ được thể hiện sơ lược và tỉ lệ và yếu tố tương tự về mỗi kích thước là khác so với thực tế.

Do đó, các kích thước cụ thể nên được xác định xét đến phần giải thích dưới đây. Hơn nữa, trong số các hình vẽ, các mối quan hệ hoặc tỉ lệ về kích thước tương ứng có thể khác nhau.

Fig.1 và Fig.2 là hình chiếu bằng phóng to thể hiện tất cả các chi tiết của một lần dạng mở 10 theo phương án của sáng chế. Fig.3 là hình mặt cắt ngang dọc theo đường F-F thể hiện tất cả các chi tiết của một lần dạng mở 10 được minh họa trên Fig.1.

Cần phải chú ý rằng, hình chiếu bằng phóng to của Fig.1 là sơ đồ mà trong đó các trục ở chân 75 và các trục bên ở chân 80 là ở trạng thái được kéo dài sao cho các nếp nhăn không được tạo ra trong tấm trên 50 và các tấm bên 70 mà tạo kết cấu tất cả các chi tiết của một lần, nhưng đối với mục đích của phần mô tả này, các trục bên ở chân 80 được minh họa trong trạng thái được kéo dài.

Như được minh họa trên Fig.1 và Fig.2, tất cả các chi tiết của một lần dạng mở 10 bao gồm vùng cặp eo phía trước 20, vùng đứng 25, và vùng cặp eo phía sau 30. Ngoài ra, cặp lỗ xoắn chân được tạo ra trong tất cả các chi tiết của một lần dạng mở 10.

Ở đây, vùng cặp eo phía trước 20 là phần mà tiếp xúc với phần vòng eo phía trước của người mặc, vùng cặp eo phía sau 30 là phần mà tiếp xúc với phần vòng eo phía sau của người mặc, và vùng đứng 25 là phần được bố trí giữa vùng cặp eo phía trước 20 và vùng cặp eo phía sau 30.

Theo phương án này, chiều từ vùng cặp eo phía trước 20 về phía vùng cặp eo phía sau 30 được gọi là chiều dọc sản phẩm L, và chiều vuông góc với chiều dọc sản phẩm L

được gọi là chiều ngang sản phẩm W.

Tã lót dùng một lần dạng mở 10 bao gồm chi tiết thấm hút 40 kéo giãn vùng đũng 25 và kéo dài trong vùng cạp eo phía trước 20 và vùng cạp eo phía sau 30. Như được minh họa trên Fig.3, chi tiết thấm hút 40 được tạo kết cấu từ lõi thấm hút 40a và giấy bọc lõi 40b.

Lõi thấm hút 40a là giống như lõi thấm hút trong tã lót dùng một lần thông thường, và có thể được tạo kết cấu một cách thích hợp bằng cách sử dụng các thành phần và vật liệu thông dụng, như bột giấy nghiền và polyme thấm hút cao. Lõi thấm hút 40a được bọc bằng giấy bọc lõi dạng tấm 40b.

Giấy bọc lõi 40b là tấm dùng để bọc lõi thấm hút 40a. Một phần của ít nhất phía tiếp xúc bề mặt da của giấy bọc lõi 40b được tạo kết cấu bằng vải không dệt dạng sợi khác nhau hoặc tấm giấy lụa có khả năng thấm dịch thể.

Ví dụ, vải không dệt dạng sợi thoáng khí, vải không dệt liên kết sợi, hoặc vải không dệt SMS (SMS: spunbond - meltblown - spunbond: liên kết sợi-thổi nóng chảy-liên kết sợi) có khối lượng nằm trong khoảng từ 10 đến 30g/m², hoặc tấm giấy lụa có khối lượng nằm trong khoảng từ 10 đến 30g/m² có thể được sử dụng làm thành phần tạo kết cấu giấy bọc lõi 40b.

Ngoài ra, như được minh họa trên Fig.3, tấm trên có thể thấm dịch thể 50 được bố trí ở phía trên (phía bề mặt tiếp xúc da) của chi tiết thấm hút 40, và tấm dưới không thể thấm dịch thể 60 được bố trí ở phía dưới (phía bề mặt không tiếp xúc da) của chi tiết thấm hút 40. Viên bên 70 được bố trí ở từng mép bên theo chiều ngang sản phẩm W của chi tiết thấm hút 40. Các viên bên 70 được làm từ một hoặc hai hoặc nhiều mảnh vải không dệt chồng lên nhau.

Ngoài ra, băng dán 90 được bố trí trong mỗi cặp viên bên 70 trong vùng cạp eo phía sau 30. Băng dán 90 này được tạo kết cấu để có thể gắn trong vùng được xác định trước ở phía bề mặt không tiếp xúc da của vùng cạp eo phía trước 20.

Tã lót dùng một lần dạng mở 10 bao gồm chi tiết co giãn vùng đũng 200a được tạo ra trong vùng đũng 25 và có thể co giãn theo chiều dọc sản phẩm L.

Cụ thể là, chi tiết co giãn vùng đũng 200a được bố trí trong bộ phận đũng 200 được tạo ra trong vùng đũng 25. Cụ thể hơn là, chi tiết co giãn vùng đũng 200a được tạo ra trong vùng bố trí chi tiết thấm hút 300 nơi mà chi tiết thấm hút 40 được bố trí trong vùng đũng 25.

Ngoài ra, tâm chi tiết co giãn vùng đũng 200a theo chiều dọc sản phẩm L được bố trí ở phía vùng cạp eo phía trước 20 từ tâm tã lót dùng một lần dạng mở 10 theo chiều dọc sản phẩm L. Tuy nhiên, chi tiết co giãn vùng đũng 200a được bố trí để kéo giãn tâm tã lót dùng một lần dạng mở 10 theo chiều dọc sản phẩm L.

Theo phương án này, chi tiết co giãn vùng đũng 200a được tạo kết cấu từ tấm có thể co giãn. Ví dụ, màng co giãn được tạo ra bằng cách làm nóng chảy nhựa đàn hồi dẻo nhiệt, như uretan và styren, và sau đó chuyển đổi thành hình dạng màng, vải không dệt có thể co giãn được tạo ra từ các sợi có thể co giãn, hoặc tấm đa hợp được tạo ra bằng cách dán các tấm không thể kéo dài lại với nhau mà đã được cắt từng phần thành màng có thể co giãn và vải không dệt có thể co giãn, hoặc đã được làm mỏng có thể được sử dụng làm tấm có thể co giãn.

Ngoài ra, thay vì tấm có thể co giãn, chi tiết co giãn vùng đũng 200a cũng có thể được tạo kết cấu bằng cách bố trí thay thế, song song các bộ phận đàn hồi có thể co giãn dạng dải hoặc dạng ren được làm từ sợi đàn hồi polyuretan và cao su tự nhiên.

Trong trường hợp này, xét đến độ cứng của lõi thấm hút 40a và độ cứng của các bộ phận khác tạo kết cấu tã lót dùng một lần dạng mở 10, độ dày của các bộ phận đàn hồi và rãnh bố trí có thể được chọn một cách thích hợp, tuy nhiên, khi thân chính của tã lót dùng một lần dạng mở 10 ở trong trạng thái tự nhiên (trạng thái không được kéo dài), toàn bộ mép bên theo chiều ngang sản phẩm W của lõi thấm hút 40a tốt hơn là ở trong trạng thái co lại.

Cụ thể là, tỉ lệ giãn ra và co lại của chi tiết co giãn vùng đũng 200a tốt hơn là nằm trong khoảng từ 1,2 đến 1,8 lần. Ví dụ, theo phương án này, tỉ lệ giãn ra và co lại của chi tiết co giãn vùng đũng 200a có thể được thiết lập là 1,4 lần.

Tỉ lệ giãn ra và co lại chỉ phạm vi giãn ra và co lại của chi tiết co giãn vùng đũng

200a theo chiều co giãn (chiều dọc sản phẩm L theo phương án này), và được quy định như sau:

Tỉ lệ giãn ra và co lại = (Độ dài theo chiều co giãn của chi tiết co giãn vùng đứng 200a trong trạng thái kéo giãn tối đa) / (Độ dài theo chiều co giãn của chi tiết co giãn vùng đứng 200a trong trạng thái tự nhiên)

Ví dụ, nên chú ý rằng, tỉ lệ giãn ra và co lại như được sử dụng ở đây được đo như được mô tả dưới đây.

Thứ nhất, nếu tã lót dùng một lần dạng mở 10 được nhét vào, ví dụ, trong bao gói, sau đó tã lót dùng một lần dạng mở 10 được lấy ra khỏi bao gói, và tã lót được giữ trong điều kiện là 60 phút trong môi trường xung quanh có nhiệt độ là $20^{\circ}\text{C} \pm 2^{\circ}\text{C}$, và độ ẩm tương đối là $60\% \pm 5\% \text{ RH}$.

Thứ hai, độ dài theo chiều co giãn của vùng được mong muốn của tã lót dùng một lần dạng mở trong trạng thái này (có nghĩa là, trong trạng thái tự nhiên), và độ dài theo chiều co giãn của vùng được mong muốn này, khi tã lót dùng một lần dạng mở được kéo dài từ trạng thái tự nhiên của nó cho đến khi các nếp nhăn gây ra bởi các bộ phận đàn hồi không thể nhìn thấy được, được đo.

Do đó, bằng cách thiết lập tỉ lệ giãn ra và co lại của chi tiết co giãn vùng đứng 200a nằm trong khoảng từ 1,2 đến 1,8 lần, có thể theo sự co giãn của da người mặc một cách thuận lợi.

Ví dụ, khi người mặc thông vai xuống sao cho phía trước của cơ thể cúi xuống, da ở phía phần đùi người mặc kéo giãn khoảng 30% so với trạng thái khi cơ thể đứng thẳng.

Có nghĩa là, khi tỉ lệ giãn ra và co lại của chi tiết co giãn vùng đứng 200a là 1,2 lần hoặc nhỏ hơn, sự co lại của chi tiết co giãn vùng đứng 200a trong trạng thái tự nhiên của tã lót dùng một lần dạng mở là không đủ, và so với trường hợp khi chi tiết co giãn vùng đứng 200a không được bố trí, sự chênh lệch trong việc dễ dàng uốn cong của tã lót dùng một lần dạng mở 10 là nhỏ do vùng cạp eo phía trước 20 không nâng lên ở vị trí được mong đợi.

Mặt khác, khi tỉ lệ giãn ra và co lại của chi tiết co giãn vùng đứng 200a lớn hơn 1,8 lần, kích cỡ co lại theo chiều co lại của chi tiết co giãn vùng đứng 200a trở nên quá lớn, do vùng mà có chi tiết co giãn vùng đứng 200a dễ dàng trở thành tiếp xúc gần với cơ thể người mặc thay vì chạy dọc theo nó, và tã lót dùng một lần dạng mở 10 dễ dàng dịch chuyển đến phía dưới người mặc.

Mặt trên (phía tám trên 50) của chi tiết thấm hút 40 được tạo ra dọc theo các lỗ xỏ chân 35, và cặp chi tiết co giãn vùng chân (các chun ở chân) 75 được bố trí ít nhất là theo chiều dọc sản phẩm L.

Các chi tiết co giãn vùng chân 75 được tạo kết cấu để dài hơn so với chi tiết co giãn vùng đứng 200a theo chiều dọc sản phẩm L, và được bố trí ở mặt bên ngoài từ chi tiết co giãn vùng đứng 200a theo chiều ngang sản phẩm W.

Ngoài ra, giống như chi tiết co giãn vùng đứng 200a, các chi tiết co giãn vùng chân 75 được tạo ra từ tám có thể co giãn. Cụ thể là, độ rộng (độ rộng theo chiều ngang sản phẩm W trong trạng thái tự nhiên của tã lót dùng một lần dạng mở 10) của tám có thể co giãn tốt hơn là nằm trong khoảng từ 5mm đến 35mm, trong ít nhất vùng đứng 25.

Ở đây, khi độ rộng của tám có thể co giãn nhỏ hơn 5mm, không có tác dụng của tám này chạy, hầu như trên bề mặt của nó, dọc theo diện tích xung quanh chân người mặc, và khi độ rộng của tám có thể co giãn vượt quá 35mm, vùng dọc theo diện tích xung quanh chân mở rộng do tám có thể co giãn có thể dễ dàng dịch chuyển về phía cơ thể người mặc hoặc có thể gấp lại được.

Tỉ lệ giãn ra và co lại của các chi tiết co giãn vùng chân 75 tốt hơn là nằm trong khoảng từ 1,5 đến 2,4 lần. Ví dụ, theo phương án này, tỉ lệ giãn ra và co lại của các chi tiết co giãn vùng chân 75 có thể được thiết lập là 1,9 lần. Tỉ lệ giãn ra và co lại của các chi tiết co giãn vùng chân 75 được quy định theo cách giống như tỉ lệ giãn ra và co lại của chi tiết co giãn vùng đứng 200a nêu trên.

Ngoài ra, khoảng cách giữa các đầu bên trong của cặp chi tiết co giãn vùng chân trái-phải 75 theo chiều ngang sản phẩm W mở rộng từ vùng đứng 25 về phía vùng cặp eo phía trước 20, và cũng mở rộng từ vùng đứng 25 về phía vùng cặp eo phía sau 30.

Khoảng cách này thu được bằng cách đo khoảng cách giữa các đầu bên trong của cặp chi tiết co giãn vùng chân trái-phải 75 theo chiều ngang sản phẩm W, sau khi tã lót dùng một lần dạng mở 10 được kéo giãn theo chiều dọc sản phẩm L và chiều ngang sản phẩm W từ trạng thái tự nhiên cho đến trạng thái mà các nếp nhăn không thể nhìn thấy được được xác định, và được giữ ở trạng thái này.

Ngoài ra, tã lót dùng một lần dạng mở 10 bao gồm chi tiết co giãn vùng eo (chun eo) 100 được tạo ra trong vùng cặp eo phía sau 30 và có thể co giãn theo chiều ngang sản phẩm W.

Theo phương án này, giống như chi tiết co giãn vùng đùi 200a và các chi tiết co giãn vùng chân 75, chi tiết co giãn vùng eo 100 được tạo kết cấu từ tấm có thể co giãn. Bộ phận tạo kết cấu chi tiết co giãn vùng eo 100 này không bị giới hạn cụ thể, nhưng, bộ phận mỏng nhất có thể cùng với độ cứng thấp, và có sự giảm về độ rộng nhỏ tốt hơn là được sử dụng.

Theo phương án này, màng co giãn có trọng lượng cơ sở là 30g/m^2 được sử dụng làm chi tiết co giãn vùng eo 100. Màng co giãn tốt hơn là được sử dụng theo quan điểm làm giảm trọng lượng cơ sở.

Sau khi được kéo dài lên 1,5 đến 2,5 lần độ dài trong trạng thái không được kéo dài (trạng thái tự nhiên), chi tiết co giãn vùng eo 100 được kết dính lên trên tấm dưới 60 bằng keo nóng chảy hoặc quy trình sử dụng nhiệt.

Chi tiết co giãn vùng eo 100 được bố trí giữa tấm trên 50 và tấm dưới 60. Như được minh họa trên Fig.3, giấy bọc lõi 40b được bố trí giữa tấm trên 50 và chi tiết co giãn vùng eo 100.

Theo một cách khác, khi tấm bên ngoài 60a được bố trí giữa chi tiết thấm hút 40 và tấm dưới 60 đã được bố trí, chi tiết co giãn vùng eo 100 có thể được bố trí giữa tấm bên ngoài 60a và tấm dưới 60.

Ngoài ra, khi tấm ngăn rò rỉ được bố trí cách quãng theo chiều dọc sản phẩm L, chi tiết co giãn vùng eo 100 có thể thực hiện vai trò của bộ phận ngăn rò rỉ. Trong trường hợp này, độ rộng của chi tiết co giãn vùng eo 100 tốt hơn là lớn hơn độ rộng của chi tiết

thấm hút 40.

Ngoài ra, chi tiết co giãn vùng eo 100 có thể được tạo kết cấu sao cho khi chi tiết co giãn vùng eo 100 co lại theo chiều ngang sản phẩm W, tốc độ giảm độ rộng theo chiều dọc sản phẩm L trở thành 30% hoặc nhỏ hơn.

Bằng cách thiết lập tốc độ giảm độ rộng của chi tiết co giãn vùng eo 100 đến 30% hoặc nhỏ hơn, và tốt hơn là đến 10% hoặc nhỏ hơn, sự co lại của chi tiết co giãn vùng eo 100 theo chiều dọc sản phẩm L được kiểm soát, và ngay cả khi chi tiết co giãn vùng eo 100 được bố trí trong phần đuôi, việc dịch chuyển các đầu của vùng cạp eo phía sau 30 từ vị trí được xác định trước do sự co lại của chiều dọc sản phẩm L có thể được kiểm soát.

Nên chú ý rằng, ví dụ, tốc độ giảm độ rộng như được sử dụng ở đây được đo như được mô tả dưới đây.

Thứ nhất, chi tiết co giãn vùng eo 100 được lấy ra khỏi tã lót dùng một lần dạng mở 10, chi tiết co giãn vùng eo 100 mà đã được lấy ra được giữ trong môi trường xung quanh có nhiệt độ là $20^{\circ}\text{C} \pm 2^{\circ}\text{C}$, và độ ẩm tương đối là $60\% \pm 5\% \text{ RH}$ trong 24 giờ, và sau đó độ rộng của vị trí tương ứng với tâm theo chiều ngang sản phẩm W trong khi sự bố trí của chi tiết co giãn vùng eo 100 trong tã lót dùng một lần dạng mở 10 được thiết lập đến độ rộng của bộ phận đàn hồi dạng tấm (WA) trong trạng thái tự nhiên.

Thứ hai, toàn bộ độ rộng của chi tiết co giãn vùng eo 100 mà đã được lấy ra được giữ giữa bàn cặp đo của máy thử nghiệm độ căng (Autograph được sản xuất bởi Shimadzu Corporation), kéo dài chi tiết co giãn vùng eo 100 lên đến độ rộng ở thời điểm dán vào tã lót dùng một lần dạng mở 10 với tốc độ 100mm/phút., và sau đó, độ rộng (WB) ở vị trí tương ứng với tâm theo chiều ngang sản phẩm W của chi tiết co giãn vùng eo 100 trong khi bố trí trong tã lót dùng một lần dạng mở 10 được đo.

(WA) và (WB) đo được được sử dụng để tính tốc độ giảm độ rộng theo công thức được mô tả dưới đây.

$$\text{Tốc độ giảm độ rộng (\%)} = ((\text{WA}) - (\text{WB})) / (\text{WA}) \times 100$$

Ngoài ra, vùng bố trí lõi thấm hút 300 được tạo ra sao cho không co giãn được.

Vùng bố trí lõi thấm hút 300 nằm trong chi tiết co giãn vùng đứng 200, chi tiết co giãn vùng chân 75, và chi tiết co giãn vùng eo 100, là vùng mà lõi thấm hút 40a tạo kết cấu chi tiết thấm hút 40 được bố trí.

Thuật ngữ “vùng được xác định trước không co giãn” được sử dụng ở đây chỉ cả tỉ lệ giãn ra và co lại của vùng được xác định trước dọc theo chiều dọc sản phẩm L và tỉ lệ giãn ra và co lại của vùng được xác định trước dọc theo chiều ngang sản phẩm W là 1,15 lần hoặc nhỏ hơn.

Khi tỉ lệ giãn ra và co lại của vùng bố trí lõi thấm hút 300 là 1,15 lần hoặc nhỏ hơn, các nếp nhăn hoặc độ nhám do sự co lại của lõi thấm hút 40a không xuất hiện hầu như trong vùng bố trí lõi thấm hút 300, và vùng bố trí lõi thấm hút 300 không nâng lên nhưng có thể được duy trì trong trạng thái gần với bề mặt phẳng.

Chi tiết thấm hút 40 bao gồm vùng có độ cứng thấp 115 và 125, nơi mà trọng lượng cơ sở thấp hoặc không có lõi thấm hút 40a, dọc theo các đầu theo chiều dọc sản phẩm L của vùng cạp eo phía trước 20 và vùng cạp eo phía sau 30 của chi tiết co giãn vùng đứng 200a, có nghĩa là, dọc theo các đầu theo chiều dọc sản phẩm L của bộ phận đứng 200.

Theo kết cấu trên, như được minh họa trên Fig.4 và Fig.6, trong tất cả một lần dạng mở 10 được giãn ra trong trạng thái tự nhiên, vùng đứng 25 có thể nâng lên với vùng A dọc theo các đầu theo chiều dọc sản phẩm L ở phía vùng cạp eo phía sau 30 của chi tiết co giãn vùng đứng 200a, và vùng B dọc theo các đầu của chiều dọc sản phẩm L ở phía vùng cạp eo phía trước 20 của chi tiết co giãn vùng đứng 200a làm các điểm gốc.

Ngoài ra, như được minh họa trên Fig.2, đầu E1 ở phía vùng cạp eo phía sau 30 của các chi tiết co giãn vùng chân 75 được tạo kết cấu để được bố trí ở phía vùng cạp eo phía trước 20 từ đầu E2 ở phía vùng đứng 25 theo chiều dọc sản phẩm L của chi tiết co giãn vùng eo 100.

Theo kết cấu trên, như được minh họa trên Fig.4 và Fig.6, một phần vùng cạp eo phía sau 30 có thể nâng lên với vùng C giữa đầu E1 ở phía vùng cạp eo phía sau 30 theo chiều dọc sản phẩm L của các chi tiết co giãn vùng chân 75, và đầu E2 ở phía vùng đứng

25 theo chiều dọc sản phẩm L của chi tiết co giãn vùng eo 100 làm điểm gốc.

Ngoài ra, như được minh họa trên Fig.2, lõi thấm hút 40a không được bố trí trong vùng 300A giữa các chi tiết co giãn vùng chân 75 và phần nối 81.

Theo kết cấu trên, do có vùng 300A, vùng bố trí lõi thấm hút 300 không dễ dàng bị ảnh hưởng bởi sự nâng lên của các chi tiết co giãn vùng chân 75, và dễ dàng được duy trì trong trạng thái gần với bề mặt phẳng.

Ngoài ra, như được minh họa trên Fig.2, độ dài L2 của vùng bố trí lõi thấm hút 300 theo chiều dọc sản phẩm L được tạo kết cấu để dài hơn so với một nửa độ dài L1 của chi tiết co giãn vùng đùi 200a theo chiều dọc sản phẩm L.

Theo kết cấu trên, người giúp mặc tã lót có thể xác nhận bằng mắt vùng bố trí lõi thấm hút 300 mà được duy trì trong trạng thái gần với bề mặt phẳng làm vị trí tham chiếu mà người mặc phải được đặt trong tã lót dùng một lần dạng mở 10 giãn ra trong trạng thái tự nhiên.

Ngoài ra, cặp chun bên ở chân 80 kéo dài dọc theo chiều dọc sản phẩm L được bố trí ở phía bên trong của cặp chi tiết co giãn vùng chân 75 (về phía tâm theo chiều ngang sản phẩm W).

Các chun bên ở chân 80 bao gồm phần nối 81, và phần đầu tự do 82 được bố trí ở phía đối diện với phần nối 81 và có bộ phận đàn hồi (không được thể hiện trên hình vẽ).

Phần nối 81 có thể được nối với tấm trên 50, hoặc có thể được nối với màng ngăn rò rỉ hoặc tấm dưới 60 được bố trí ở phía bề mặt không tiếp xúc da từ tấm trên 50.

Ngoài ra, các đầu theo chiều dọc sản phẩm L của phần đầu tự do 82 được nối với tấm trên 50. Phần nối 81 được bố trí giữa chi tiết co giãn vùng đùi 200a và chi tiết co giãn vùng chân 75, theo chiều ngang sản phẩm W.

Đối với các chun bên ở chân 80, khi tã lót được mặc, phần nối 81 nâng lên là đầu gần và phần đầu tự do 82 tiếp xúc với da người mặc là đỉnh.

Cần phải chú ý rằng, trong vùng cặp eo phía sau 30 từ bộ phận đùi 200, độ dài giữa phần nối 81 và phần đầu tự do 82 được tạo kết cấu ngắn hơn so với độ dài giữa phần

nổi 81 và các chi tiết co giãn vùng chân 75.

Theo kết cấu trên, ở phía giữa (phía vùng bố trí lõi thấm hút 300) theo chiều ngang sản phẩm W từ các chi tiết co giãn vùng chân 75 mà đã nâng lên, các chun bên ở chân 80 nâng lên, và độ cao nâng lên của các chun bên ở chân 80 được tạo kết cấu để thấp hơn so với độ cao nâng lên của các chi tiết co giãn vùng chân 75, khiến cho người giúp mặc dễ dàng tập trung vào vùng bố trí lõi thấm hút 300.

Ngoài ra, chi tiết thấm hút 40 bao gồm vùng có độ cứng thấp 110, nơi mà trọng lượng cơ sở thấp hơn so với các phần còn lại của chi tiết thấm hút 40 hoặc không có lõi thấm hút 40a, trong vùng cạp eo phía sau 30.

Cần phải chú ý rằng, chi tiết co giãn vùng eo 100 và chi tiết thấm hút 40 được tạo kết cấu để chùng lên trong ít nhất một phần trong hình chiếu bằng thể hiện tả lót dùng một lần dạng mở 10. Cụ thể là, chi tiết co giãn vùng eo 100 được tạo kết cấu để chùng lên ít nhất một phần của vùng có độ cứng thấp 110, trong hình chiếu bằng thể hiện tả lót dùng một lần dạng mở 10.

Ngoài ra, vùng có độ cứng thấp 110 được tạo ra để kéo dài lên đến vùng lân cận của E3 ở phía vùng cạp eo phía sau 30 theo chiều dọc sản phẩm L của chi tiết thấm hút 40.

Độ rộng của vùng có độ cứng thấp 110 theo chiều ngang sản phẩm W mở rộng về phía đầu E3 ở phía vùng cạp eo phía sau 30 theo chiều dọc sản phẩm L của chi tiết thấm hút 40.

Ngoài ra, chi tiết thấm hút 40 bao gồm vùng kiểm soát sự co giãn 120, là vùng mà sự co giãn theo chiều ngang sản phẩm W được kiểm soát nhiều hơn so với các vùng còn lại.

Như được minh họa trên Fig.2, vùng kiểm soát sự co giãn 120 được tạo ra ở mỗi mặt bên ngoài theo chiều ngang sản phẩm W của vùng có độ cứng thấp 110.

Cụ thể hơn là, vùng có độ cứng thấp 110 có hình dạng nằm trong hình chiếu bằng thể hiện tả lót dùng một lần dạng mở 10.

Ngoài ra, ranh giới giữa vùng kiểm soát sự co giãn 120 và vùng có độ cứng thấp

110 được tạo ra dưới dạng hình cung như hình dạng lõi về phía tâm theo chiều ngang sản phẩm W.

Theo kết cấu trên, người giúp mặc có thể được làm cho nhận thức về hình ảnh hình dạng phần đuôi của người mặc.

Như được minh họa trên Fig.2, đầu E4 ở phía vùng đứng 25 theo chiều dọc sản phẩm L của vùng có độ cứng thấp 110 có thể được bố trí về phía vùng đứng 25 từ vùng bố trí bằng 90A mà băng dán 90 được bố trí.

Đầu E5 ở phía vùng cạp eo phía sau theo chiều dọc sản phẩm L của chi tiết co giãn vùng eo 100 có thể được bố trí giữa đầu E3 ở phía vùng cạp eo phía sau 30 theo chiều dọc sản phẩm L của chi tiết thấm hút 40 và đầu E ở phía vùng cạp eo phía sau 30 theo chiều dọc sản phẩm L của tã lót dùng một lần dạng mở 10.

Ngoài ra, đầu E2 ở phía vùng đứng 25 theo chiều dọc sản phẩm L của chi tiết co giãn vùng eo 100 có thể kéo dài lên đến đầu E4 ở phía vùng đứng 25 theo chiều dọc sản phẩm L của vùng có độ cứng thấp 110, hoặc có thể chạy ra ngoài đầu E4 ở phía vùng đứng 25 theo chiều dọc sản phẩm L của vùng có độ cứng thấp 110.

Ngoài ra, như được minh họa trên Fig.1, kết cấu có thể là sao cho vùng D mà độ dài của lõi thấm hút 40a theo chiều ngang sản phẩm W là ngắn nhất có thể có trong vùng mà chi tiết co giãn vùng đứng 200a được bố trí.

Tã lót dùng một lần dạng mở 10 được tạo kết cấu sao cho chi tiết co giãn vùng đứng 200a là phần dưới của tã lót dùng một lần dạng mở 10, và do đó, tã lót dùng một lần dạng mở 10 có thể được mặc sao cho chạy dọc theo cơ thể người mặc.

Bằng cách bố trí vùng D như được mô tả trên đây, phần dưới của tã lót dùng một lần dạng mở 10 có thể được bố trí một cách ổn định hơn trên phần đứng của người mặc.

Ngoài ra, như được minh họa trên Fig.1, vị trí ở giữa O2 của chi tiết co giãn vùng đứng 200a theo chiều dọc sản phẩm L được tạo kết cấu để được bố trí ở phía vùng cạp eo phía trước 20 từ vị trí ở giữa O1 của tã lót dùng một lần dạng mở 10 theo chiều dọc sản phẩm L.

Trong vùng nâng lên từ đứng đến eo của cơ thể người, kích cỡ ở phía đùi là lớn hơn so với kích cỡ ở phía eo. Do đó, theo kết cấu trên, người giúp mặc có thể dễ dàng mặc tã lót dùng một lần dạng mở 10 ở vị trí thích hợp dựa vào kích cỡ nâng lên từ đứng đến eo của người mặc.

Ngoài ra, như được minh họa trên Fig.2, độ dài W1 theo chiều ngang sản phẩm W ở vị trí ở giữa O2 của chi tiết co giãn vùng đứng 200a theo chiều dọc sản phẩm L có thể được tạo kết cấu ngắn hơn so với độ dài W2 theo chiều ngang sản phẩm W ở các đầu của chi tiết co giãn vùng đứng 200a theo chiều dọc sản phẩm L.

Theo kết cấu trên, do hình dạng của chi tiết co giãn vùng đứng 200a, khi được nhìn từ bên ngoài, thể hiện bị ép xuống theo cách giống như bộ phận đứng của quần lót nữ, khi người giúp mặc mặc tã lót dùng một lần dạng mở 10 trên người mặc, tã lót được mặc sao cho chi tiết co giãn vùng đứng 200a được bố trí trên phần đứng của người mặc, và có thể xác nhận bằng mắt là tã lót đã được mặc ở vị trí chính xác.

Tiếp theo, tham chiếu đến các hình vẽ từ Fig.4 đến Fig.6, phương pháp mà tã lót dùng một lần dạng mở 10 được mặc bởi người mặc được giải thích.

Thứ nhất, khi tã lót dùng một lần dạng mở 10 được lấy ra khỏi bao gói và tã lót dùng một lần dạng mở 10 mà đã được lấy ra được làm giãn ra, như được minh họa trên Fig.4 và Fig.6, trong trạng thái tự nhiên, vùng đứng 25 nâng lên với vùng A dọc theo các đầu theo chiều dọc sản phẩm L ở phía vùng cạp eo phía sau 30 của chi tiết co giãn vùng đứng 200a, và vùng B dọc theo các đầu theo chiều dọc sản phẩm L ở phía vùng cạp eo phía trước 20 của chi tiết co giãn vùng đứng 200a làm các điểm gốc.

Ngoài ra, trong trường hợp này, như được minh họa trên Fig.4 và Fig.6, một phần vùng cạp eo phía sau 30 nâng lên về phía vùng đứng 25 theo chiều dọc sản phẩm L với vùng C giữa đầu E1 ở phía vùng cạp eo phía sau 30 theo chiều dọc sản phẩm L của các chi tiết co giãn vùng chân 75, và đầu E2 ở phía vùng đứng 25 theo chiều dọc sản phẩm L của chi tiết co giãn vùng eo 100 làm các điểm gốc.

Cần phải chú ý rằng, do vùng bố trí lõi thấm hút 300 được tạo ra sao cho không được kéo dài, vùng bố trí lõi thấm hút 300 được duy trì trong trạng thái gần với bề mặt

phẳng mà không nâng lên.

Thứ hai, như được minh họa trên Fig.4 và Fig.6, người giúp mặc (ví dụ, mẹ) cho người mặc nằm xuống trên tấm lót dùng một lần dạng mở 10 đã được giãn ra sao cho phần lưng của người mặc tiếp xúc với một phần vùng cạp eo phía sau 30 mà nâng lên, phần đùi của người mặc tiếp xúc với vùng bố trí lõi thấm hút 300 giữa vùng đũng nâng lên 25 và vùng cạp eo phía sau nâng lên 30.

Người giúp mặc có thể được khiến cho nhận thức về hình ảnh đường rãnh trong phần đùi của người mặc bởi hình dạng nêm của ranh giới giữa vùng kiểm soát sự co giãn 120 và vùng có độ cứng thấp 110, và do đó, như được mô tả trên đây, người giúp mặc có thể hiểu qua nhận thức giác quan là rãnh trong phần đùi của người mặc phải được đặt gần với ranh giới giữa vùng kiểm soát sự co giãn 120 và vùng có độ cứng thấp 110 trong tấm lót dùng một lần dạng mở 10 đã được giãn ra trong trạng thái tự nhiên.

Thứ ba, sau khi cho người mặc nằm trên tấm lót dùng một lần dạng mở 10 đã được mở ra trong trạng thái tự nhiên, như được minh họa trên Fig.5, bằng cách gấp ngược vùng cạp eo phía trước 20 và gắn vùng cạp eo phía trước 20 và vùng cạp eo phía sau 30 bằng băng dán 90, tấm lót dùng một lần dạng mở 10 được mặc trên người mặc.

Theo tấm lót dùng một lần dạng mở 10 của phương án này, khi tấm lót dùng một lần dạng mở 10 được giãn ra, như được minh họa trên Fig.4 và Fig.6, trong trạng thái tự nhiên, vùng đũng 25 nâng lên với vùng A và vùng B làm các điểm góc, một phần vùng cạp eo phía sau 30 nâng lên về phía vùng đũng 25 theo chiều dọc sản phẩm L với vùng C làm điểm góc, và vùng bố trí lõi thấm hút 300 được duy trì trong trạng thái gần với bề mặt phẳng, do người giúp mặc có thể khiến cho phần lưng của người mặc tiếp xúc với một phần của vùng cạp eo phía sau 30 mà nâng lên, và phần đùi của người mặc tiếp xúc với vùng giữa vùng đũng 25 nâng lên và vùng bố trí lõi thấm hút 300, mà có thể khiến cho người giúp mặc mặc tấm lót dùng một lần dạng mở 10 trên người mặc đúng cách.

Ngoài ra, theo tấm lót dùng một lần dạng mở 10 của phương án này, bằng cách nhìn về bề ngoài của các nếp nhăn trong chi tiết co giãn vùng đũng 200a, khi mặc tấm lót dùng một lần dạng mở 10 trên người mặc, người giúp mặc có thể nâng tấm lót dùng một lần lên

trong khi xác nhận bằng mắt là chi tiết co giãn vùng đũng 200a được bố trí một cách thích hợp trên phần đũng của người mặc.

Có nghĩa là, khi người giúp mặc nhận thức được rằng, chi tiết co giãn vùng đũng 200a không được bố trí một cách thích hợp trên phần đũng của người mặc, người giúp mặc có thể điều chỉnh vị trí mặc tã lót dùng một lần dạng mở 10 trước khi cố định bằng dán.

Như được mô tả trên đây, theo tã lót dùng một lần dạng mở 10 của phương án này, do người giúp mặc có thể dễ dàng mặc tã lót dùng một lần dạng mở 10 ở đúng vị trí trên người mặc, sự cảm ứng rò rỉ do việc dịch chuyển vị trí mặc tã lót dùng một lần dạng mở 10 có thể tránh được.

Cần phải chú ý rằng, tã lót dùng một lần dạng mở 10 theo các khía cạnh nêu trên của phương án có thể được thể hiện như dưới đây.

Tã lót dùng một lần dạng mở 10 theo khía cạnh của phương án được tóm tắt về kết cấu sao cho khi tã lót dùng một lần được giãn ra, sau đó, trong trạng thái tự nhiên, ít nhất một phần của vùng cạp eo phía sau 30 nâng lên về phía vùng đũng 25 theo chiều dọc sản phẩm L, vùng đũng 25 cong về phía vùng cạp eo phía sau 30 theo chiều dọc sản phẩm L, và vùng cạp eo phía trước 20 cong về phía phía đối diện với vùng cạp eo phía sau 30 theo chiều dọc sản phẩm L.

Do đó, sáng chế đã được giải thích chi tiết bằng cách sử dụng các phương án nêu trên; tuy nhiên, rõ ràng là, đối với người có hiểu biết trung bình về lĩnh vực kỹ thuật tương ứng, sáng chế không chỉ giới hạn ở các phương án được giải thích ở đây. Sáng chế có thể được bổ sung làm các dạng được chỉnh sửa và biến đổi mà không vượt ra khỏi ý chính và phạm vi của sáng chế được xác định bởi các yêu cầu bảo hộ. Do đó, phần mô tả của bản mô tả này chỉ được nhằm giải thích ví dụ và không áp đặt giới hạn bất kỳ đối với sáng chế.

Ngoài ra, toàn bộ nội dung của đơn patent Nhật Bản số 2012-024547 (nộp ngày 07/02/ 2012) được đưa vào bản mô tả này bằng cách viện dẫn.

Khả năng áp dụng công nghiệp

Có thể đề xuất tã lót dùng một lần dạng mở mà có thể được mặc một cách dễ dàng và chính xác bởi người mặc.

YÊU CẦU BẢO HỘ

1. Tã lót dùng một lần dạng mở (10) bao gồm:

vùng cạp eo phía trước (20);

vùng cạp eo phía sau (30);

vùng đũng (25) được bố trí giữa vùng cạp eo phía trước và vùng cạp eo phía sau;

cặp lỗ xỏ chân (35);

chi tiết thấm hút (40) kéo giãn vùng đũng và kéo dài đến vùng cạp eo phía trước và vùng cạp eo phía sau;

chiều dọc sản phẩm (L) từ vùng cạp eo phía trước về phía vùng cạp eo phía sau; và

chiều ngang sản phẩm (W) vuông góc với chiều dọc sản phẩm; trong đó:

tã lót dùng một lần dạng mở còn bao gồm:

chi tiết co giãn vùng đũng (200a) được tạo ra trong vùng bố trí chi tiết thấm hút nơi mà chi tiết thấm hút được bố trí trong vùng đũng và có thể co giãn theo chiều dọc sản phẩm;

cặp chi tiết co giãn vùng chân (75) được tạo ra dọc theo các lỗ xỏ chân và có thể co giãn ít nhất là theo chiều dọc sản phẩm; và

chi tiết co giãn vùng eo (100) được tạo ra trong vùng cạp eo phía sau và có thể co giãn theo chiều ngang sản phẩm;

vùng bố trí lõi thấm hút (300) nằm trong chi tiết co giãn vùng đũng, các chi tiết co giãn vùng chân, và chi tiết co giãn vùng eo và tạo kết cấu chi tiết thấm hút được tạo ra sao cho không co giãn được;

độ dài của vùng bố trí lõi thấm hút (300) theo chiều dọc sản phẩm được tạo kết cấu sao cho dài hơn so với một nửa độ dài của chi tiết co giãn vùng đũng theo chiều dọc sản phẩm; và

chi tiết thấm hút bao gồm vùng có độ cứng thấp (115, 125), nơi mà trọng lượng cơ sở thấp hoặc không có lõi thấm hút, dọc theo các đầu theo chiều dọc sản phẩm ở phía vùng cạp eo phía trước và vùng cạp eo phía sau của chi tiết co giãn ở vùng đũng.

2. Tã lót dùng một lần dạng mở (10) bao gồm:

vùng cạp eo phía trước (20);

vùng cạp eo phía sau (30);

vùng đũng (25) được bố trí giữa vùng cạp eo phía trước và vùng cạp eo phía sau;

cặp lỗ xỏ chân (35);

chi tiết thấm hút (40) kéo giãn vùng đũng và kéo dài đến vùng cạp eo phía trước và vùng cạp eo phía sau;

chiều dọc sản phẩm (L) từ vùng cạp eo phía trước về phía vùng cạp eo phía sau; và

chiều ngang sản phẩm (W) vuông góc với chiều dọc sản phẩm; trong đó:

tã lót dùng một lần dạng mở còn bao gồm:

chi tiết co giãn vùng đũng (200a) được tạo ra trong vùng bố trí chi tiết thấm hút nơi mà chi tiết thấm hút được bố trí trong vùng đũng và có thể co giãn theo chiều dọc sản phẩm;

cặp chi tiết co giãn vùng chân (75) được tạo ra dọc theo các lỗ xỏ chân và có thể co giãn ít nhất là theo chiều dọc sản phẩm; và

chi tiết co giãn vùng eo (100) được tạo ra trong vùng cạp eo phía sau và có thể co giãn theo chiều ngang sản phẩm;

chi tiết co giãn vùng đũng được kết cấu từ tám có thể co giãn và được bố trí ở phía bên trong của chi tiết co giãn vùng đũng theo chiều ngang sản phẩm;

chi tiết co giãn vùng đũng được bố trí để kéo giãn tâm của vật dụng tã lót dùng một lần dạng mở theo chiều dọc sản phẩm và theo chiều ngang sản phẩm;

vùng bố trí lõi thấm hút (300) nằm trong chi tiết co giãn ở vùng đũng, các chi tiết

co giãn vùng chân, và chi tiết co giãn vùng eo và việc tạo kết cấu chi tiết thấm hút được tạo ra sao cho không co giãn được; và

độ dài của vùng bố trí lõi thấm hút (300) theo chiều dọc sản phẩm được tạo kết cấu sao cho dài hơn so với một nửa độ dài của chi tiết co giãn vùng đùi theo chiều dọc sản phẩm.

3. Tã lót dùng một lần dạng mở theo điểm 1 hoặc 2, trong đó:

đầu chi tiết co giãn vùng chân ở phía vùng cạp eo phía sau được tạo kết cấu để được bố trí ở phía vùng cạp eo phía trước từ đầu chi tiết co giãn vùng eo ở phía vùng cạp eo phía trước.

4. Tã lót dùng một lần dạng mở theo điểm 1 hoặc 2, trong đó:

chi tiết co giãn vùng eo và chi tiết thấm hút được tạo kết cấu để chồng lên nhau.

5. Tã lót dùng một lần dạng mở theo điểm 1 hoặc 2, trong đó:

chi tiết thấm hút được tạo kết cấu để bao gồm vùng có độ cứng thấp (110), nơi mà trọng lượng cơ sở thấp hơn so với các phần còn lại của chi tiết thấm hút hoặc không có lõi thấm hút, trong vùng cạp eo phía sau;

chi tiết co giãn vùng eo được tạo kết cấu để chồng lên ít nhất một phần vùng có độ cứng thấp trong hình chiếu bằng thể hiện tã lót dùng một lần dạng mở; và

độ rộng của vùng có độ cứng thấp theo chiều ngang sản phẩm được tạo kết cấu để mở rộng về phía các đầu ở phía vùng cạp eo phía sau theo chiều dọc sản phẩm của chi tiết thấm hút.

6. Tã lót dùng một lần dạng mở theo điểm 1 hoặc 2, trong đó:

chi tiết thấm hút được tạo kết cấu để bao gồm vùng kiểm soát sự co giãn (120), là vùng nơi mà sự co giãn theo chiều ngang sản phẩm được kiểm soát tốt hơn so với các vùng khác; và

vùng kiểm soát sự co giãn được tạo kết cấu để được tạo ra ở mỗi mặt bên ngoài theo chiều ngang sản phẩm của vùng có độ cứng thấp.

7. Tã lót dùng một lần dạng mở theo điểm 6, trong đó:

vùng có độ cứng thấp có hình dạng nôm trong hình chiếu bằng thể hiện tã lót dùng một lần dạng mở; và

ranh giới giữa vùng kiểm soát sự co giãn và vùng có độ cứng thấp được tạo ra dưới dạng hình cung như hình dạng lồi về phía tâm theo chiều ngang sản phẩm.

8. Tã lót dùng một lần dạng mở theo điểm 1 hoặc 2, trong đó:

tã lót dùng một lần dạng mở được tạo kết cấu sao cho tồn tại vùng mà độ dài của lõi thấm hút theo chiều ngang sản phẩm là ngắn nhất trong vùng mà chi tiết co giãn vùng đũng được bố trí.

9. Tã lót dùng một lần dạng mở theo điểm 1 hoặc 2, trong đó:

vị trí ở giữa (O2) của chi tiết co giãn vùng đũng theo chiều dọc sản phẩm được tạo kết cấu để được bố trí ở phía vùng cạp eo phía trước từ vị trí ở giữa (O1) của tã lót dùng một lần dạng mở theo chiều dọc sản phẩm.

10. Tã lót dùng một lần dạng mở theo điểm 1 hoặc 2, trong đó:

độ dài theo chiều ngang sản phẩm ở vị trí ở giữa của chi tiết co giãn vùng đũng theo chiều dọc sản phẩm được tạo kết cấu để ngắn hơn so với độ dài theo chiều ngang sản phẩm ở các đầu của chi tiết co giãn vùng đũng theo chiều dọc sản phẩm.

FIG. 1

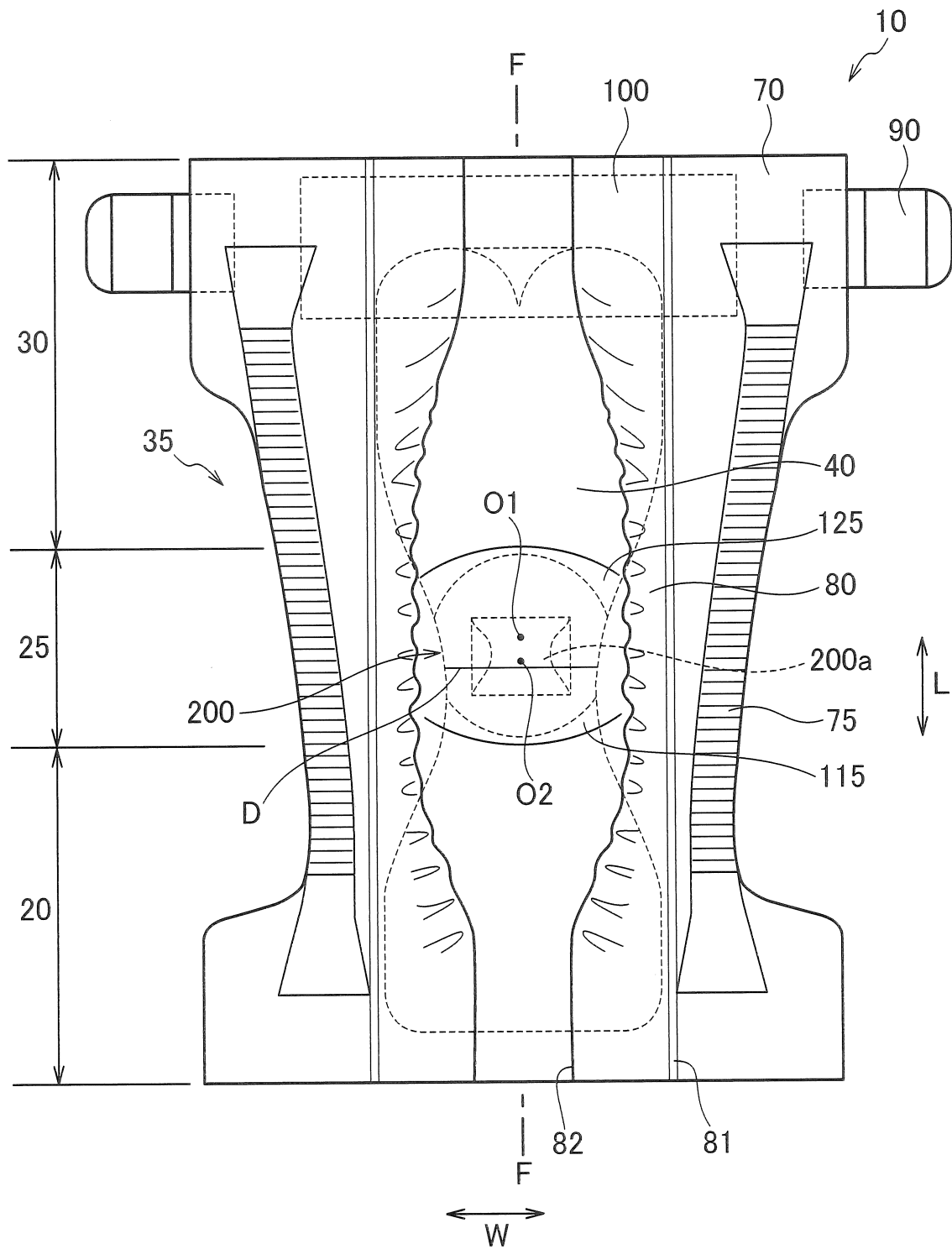


FIG. 2

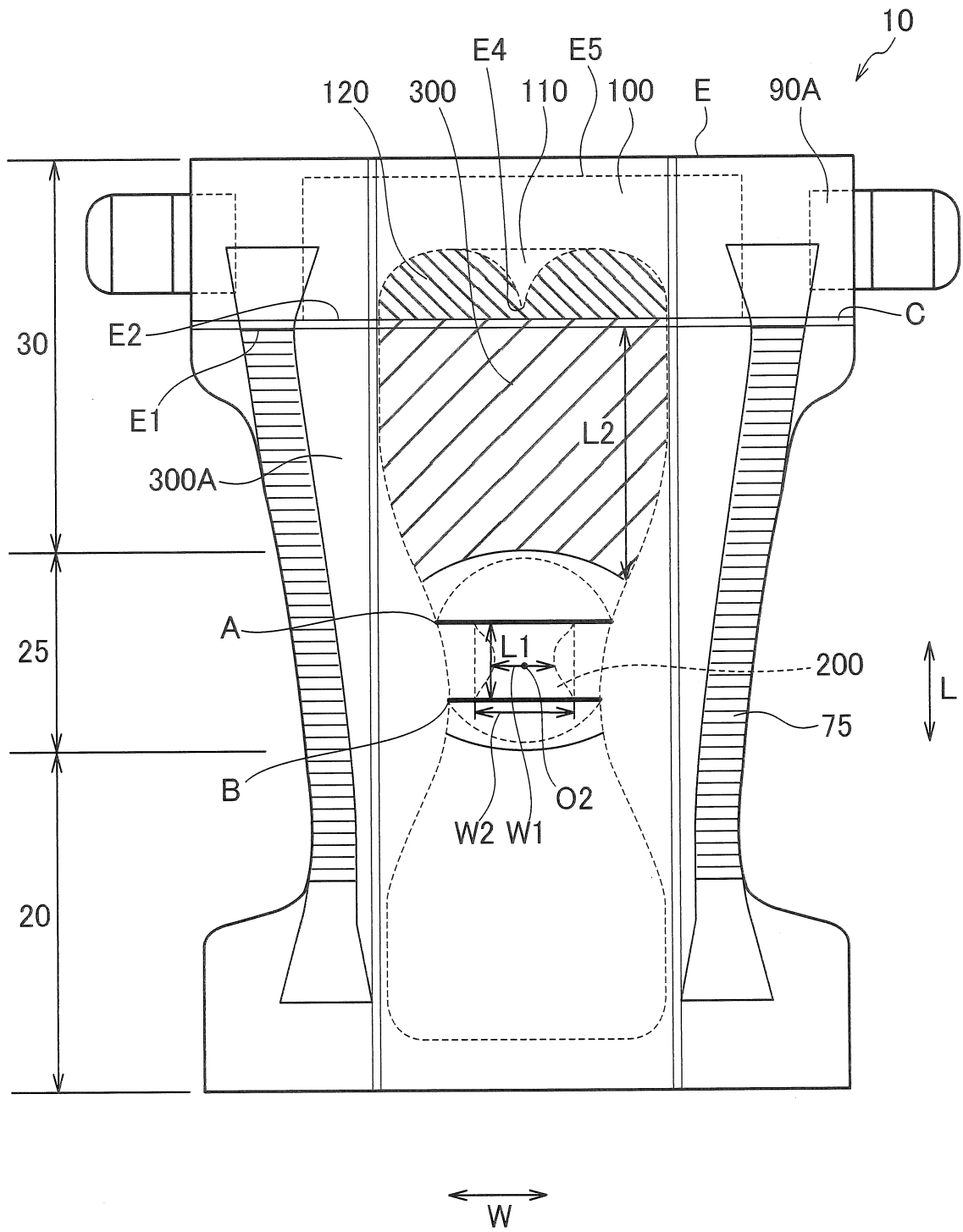


FIG. 3

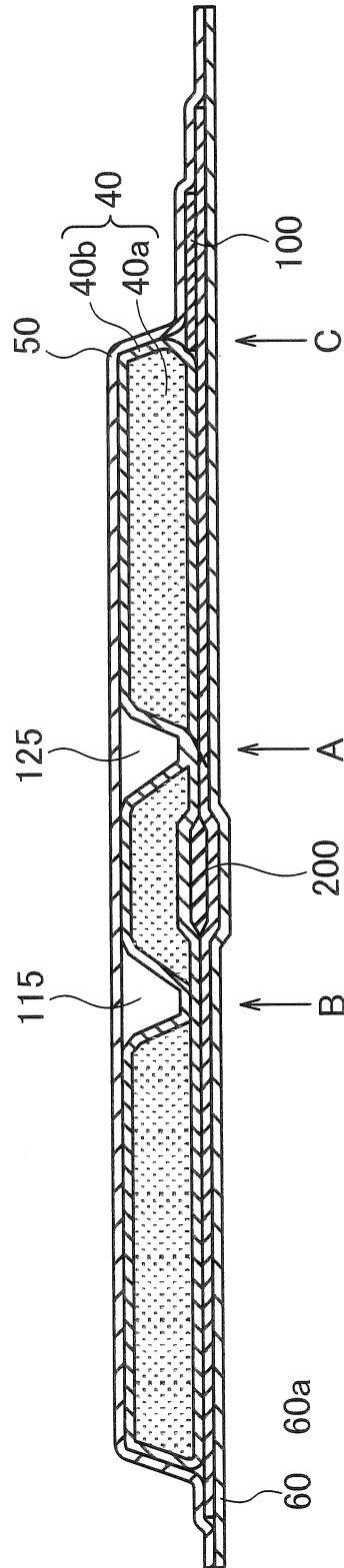


FIG. 4

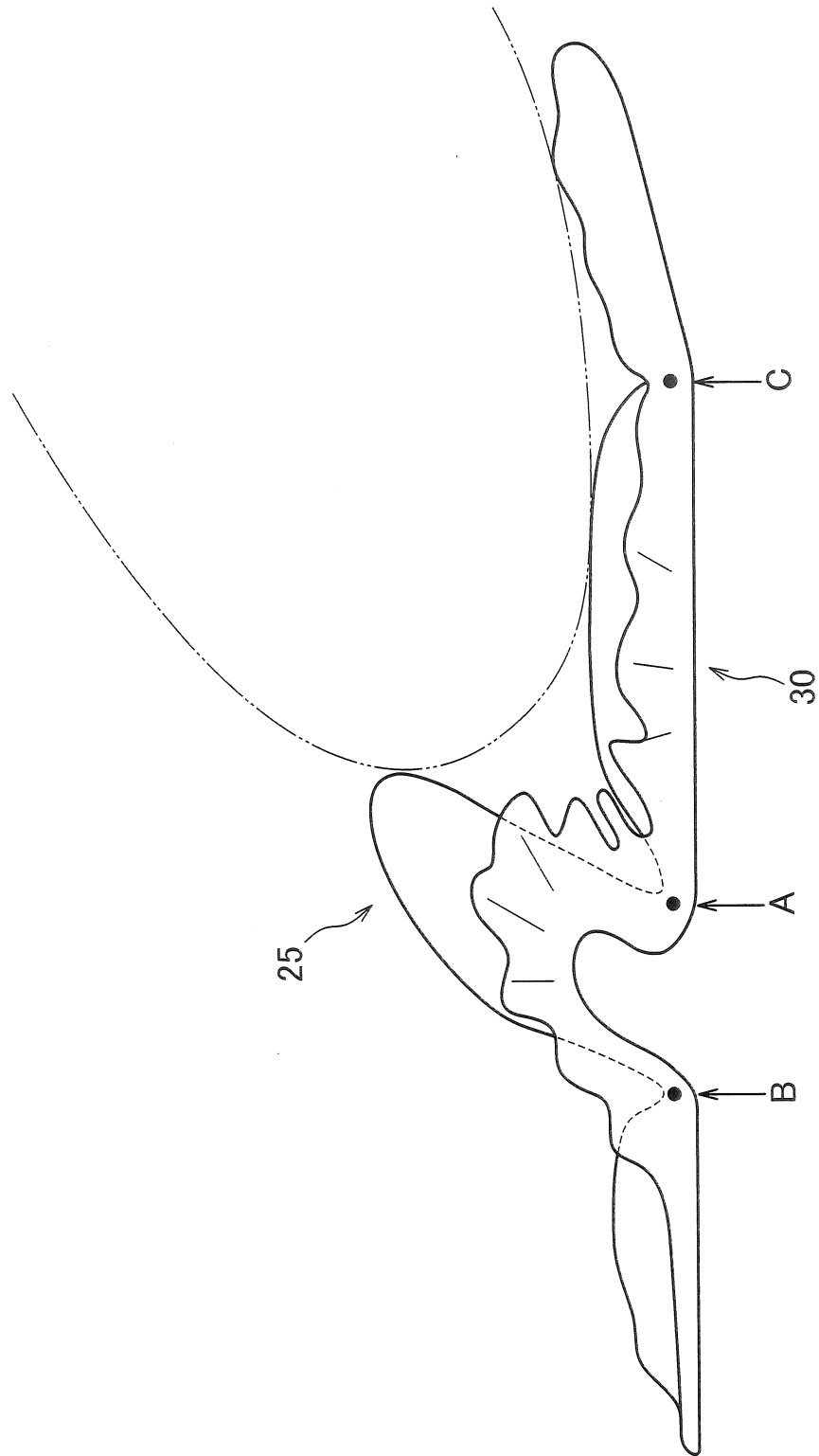


FIG. 5

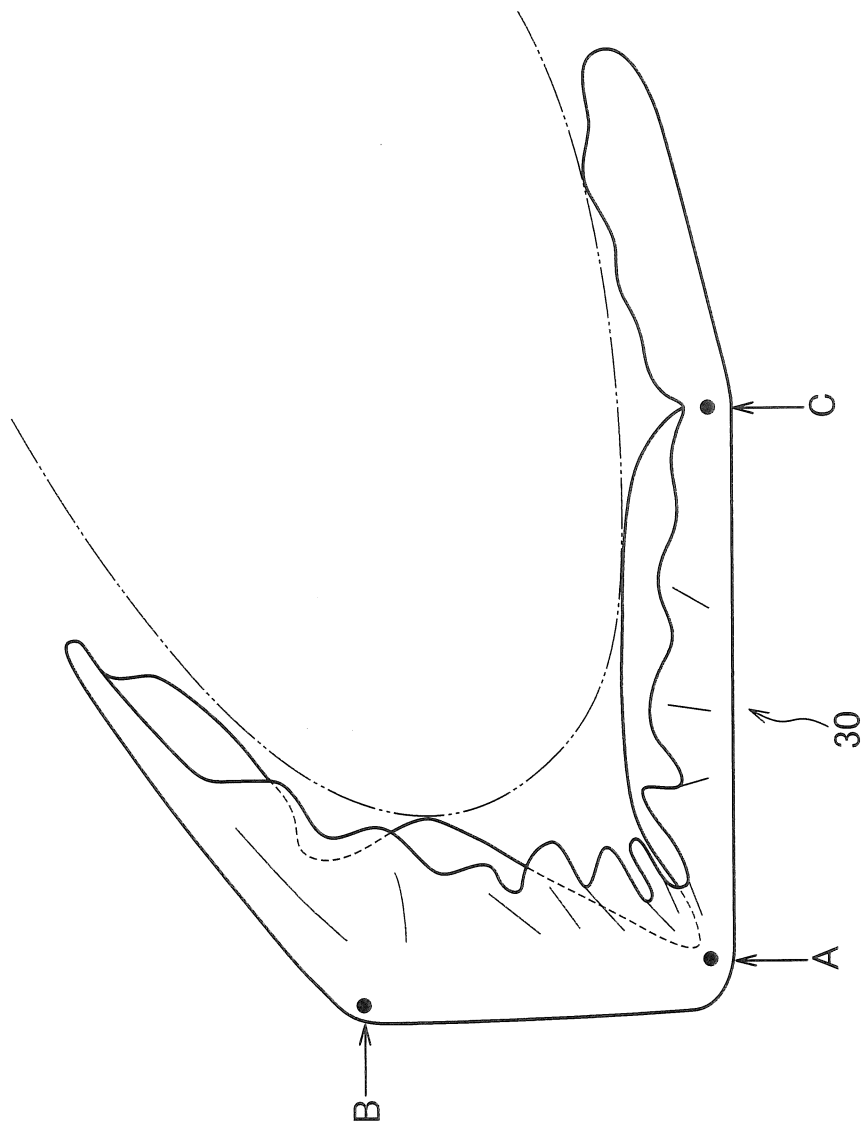


FIG. 6

